

CÁC BỘ

LIÊN BỘ

CÔNG AN - QUỐC PHÒNG

THÔNG TƯ liên tịch số 16/2004/TTLT-CA-QP ngày 01/11/2004 hướng dẫn thực hiện một số Điều của Luật Giao thông đường bộ về tổ chức đăng ký, cấp biển số cho xe ô tô làm nhiệm vụ kinh tế của các doanh nghiệp quốc phòng, xe quân đội có nhu cầu cấp biển số xe dân sự và việc kiểm tra, xử lý xe quân đội vi phạm hành chính về giao thông đường bộ.

Thực hiện Điều 49 và Điều 72 của Luật Giao thông đường bộ số 26/2001/QH10 ngày 29/6/2001 và các Nghị định của Chính phủ hướng dẫn thi hành Luật Giao thông đường bộ, Bộ Công an, Bộ Quốc phòng thống nhất hướng dẫn việc tổ chức đăng ký, cấp biển số cho xe ô tô làm nhiệm vụ kinh tế của các doanh nghiệp quốc phòng, xe quân đội có nhu cầu cấp biển số xe dân sự và việc kiểm tra, xử lý xe quân đội vi phạm hành chính về giao thông đường bộ như sau:

I. QUY ĐỊNH CHUNG

1. Đối tượng và phạm vi áp dụng:

Xe ô tô làm nhiệm vụ kinh tế của các doanh nghiệp quốc phòng (sau đây gọi tắt là xe quân đội làm kinh tế), phương tiện giao thông cơ giới đường bộ do Bộ Quốc phòng quản lý làm nhiệm vụ quốc phòng (sau đây gọi tắt là xe quân đội) có nhu cầu cấp biển số xe dân sự, khi tham gia giao thông đều phải được đăng ký, cấp biển số theo quy định của Thông tư này.

2. Xe quân đội làm kinh tế đăng ký tại Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, nơi doanh nghiệp có trụ sở chính. Biển số xe theo một loại (sê ri) riêng do Bộ Công an quy định. Đối với xe quân đội có nhu cầu cấp biển số xe dân sự do Cục Cảnh sát giao thông đường bộ - đường sắt hoặc Công an địa phương đăng ký theo phê duyệt của lãnh đạo Bộ Công an.

3. Xe quân đội thuộc Bộ Quốc phòng quản lý, người điều khiển xe quân đội (sau đây gọi tắt là người lái xe) khi tham gia giao thông phải chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật về giao thông đường bộ, chấp hành sự kiểm tra, xử lý vi phạm của lực lượng Cảnh sát giao thông và sự kiểm tra, kiểm soát của lực lượng kiểm tra xe dân sự, kiểm soát quân sự trong khi thi hành nhiệm vụ bảo đảm trật tự an toàn giao thông theo quy định của pháp luật.

4. Các cơ quan chức năng của Bộ Công an và Bộ Quốc phòng có trách nhiệm phối hợp chặt chẽ trong công tác quản lý, kiểm tra và xử lý vi phạm đối với xe quân đội khi tham gia giao thông.

II. QUY ĐỊNH VỀ ĐĂNG KÝ, CẤP BIỂN SỐ XE QUÂN ĐỘI LÀM KINH TẾ VÀ XE QUÂN ĐỘI ĐĂNG KÝ, CẤP BIỂN SỐ XE DÂN SỰ

A. THỦ TỤC ĐĂNG KÝ XE QUÂN ĐỘI LÀM KINH TẾ

1. Thủ tục đăng ký xe gồm:

1.1. Giấy giới thiệu do Cục trưởng Cục Quản lý xe máy/Tổng cục Kỹ thuật/Bộ Quốc phòng (sau đây gọi tắt là Cục Quản lý xe máy) ký đóng dấu (theo mẫu quy định);

1.2. Giấy khai đăng ký (theo mẫu quy định);

1.3. Chứng từ chuyển nhượng xe;

1.4. Chứng từ lệ phí trước bạ;

1.5. Chứng từ nguồn gốc của xe.

2. Chứng từ chuyển nhượng xe quy định tại điểm 1.3 nêu trên, gồm một trong các loại giấy tờ sau:

2.1. Giấy bán, cho, tặng; quyết định hoặc hợp đồng mua bán theo quy định của pháp luật; hóa đơn bán hàng theo quy định của Bộ Tài chính;

2.2. Trường hợp xe chuyển nhượng của các cơ quan hành chính sự nghiệp, các tổ chức, cá nhân không kinh doanh thì không cần phải có hóa đơn bán hàng;

3. Chứng từ lệ phí trước bạ được quy định tại điểm 1.4 nêu trên, cụ thể như sau:

3.1. Biên lai thu lệ phí trước bạ hoặc giấy nộp tiền vào ngân sách nhà nước

bằng tiền mặt hoặc bằng séc qua kho bạc nhà nước (có xác nhận của kho bạc nhà nước đã nhận tiền).

3.2. Trường hợp được miễn lệ phí trước bạ phải có tờ khai lệ phí trước bạ, có xác nhận được miễn lệ phí trước bạ của cơ quan Thuế có thẩm quyền.

3.3. Trường hợp nhiều xe chung một chứng từ lệ phí trước bạ thì phải có tờ khai lệ phí trước bạ và bản sao chứng từ lệ phí trước bạ có công chứng hoặc chứng thực của cơ quan đã cấp ra.

4. Chứng từ nguồn gốc của xe được quy định tại điểm 1.5 nêu trên, cụ thể như sau:

4.1. Đối với xe ô tô tải do quân đội đăng ký quản lý trước ngày 31/12/1989:

Hồ sơ gốc của xe (trường hợp không có hồ sơ gốc, chủ xe phải có bản cam kết nói rõ nguồn gốc xe. Bản cam kết phải có xác nhận của chỉ huy cơ quan, đơn vị trực thuộc Bộ Quốc phòng) và giấy chứng nhận đăng ký xe của Cục Quản lý xe máy.

4.2. Xe quân đội làm kinh tế đăng ký quản lý từ sau ngày 31/12/1989 hoặc xe mới được trang bị hoặc do đơn vị quân đội tự mua:

4.2.1. Xe nguyên chiếc nhập khẩu theo hợp đồng thương mại:

a) Tờ khai nguồn gốc xe nhập khẩu theo quy định;

b) Biên lai thu thuế tiêu thụ đặc biệt (đối với loại xe phải chịu thuế tiêu thụ đặc biệt theo quy định). Trường hợp nhiều

xe chung một biên lai thu thuế, phải có bản sao biên lai thuế do đơn vị nộp thuế ký xác nhận sao y. Trường hợp được miễn thuế tiêu thụ đặc biệt phải có văn bản xác nhận miễn thuế của cấp có thẩm quyền theo quy định.

c) Xe là hàng viện trợ, phải có thêm giấy xác nhận viện trợ của Bộ Tài chính.

4.2.2. Xe nguyên chiếc nhập khẩu phi mậu dịch:

a) Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hàng phi mậu dịch theo quy định của Tổng cục Hải quan;

b) Tờ khai nhập khẩu phi mậu dịch theo quy định của Tổng cục Hải quan;

c) Biên lai thu thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu;

d) Biên lai thu thuế tiêu thụ đặc biệt (đối với loại xe phải chịu thuế tiêu thụ đặc biệt theo quy định). Trường hợp nhiều xe chung một biên lai thu thuế, phải có bản sao biên lai thuế do đơn vị nộp thuế ký xác nhận sao y. Trường hợp được miễn thuế tiêu thụ đặc biệt phải có văn bản xác nhận miễn thuế của các cấp có thẩm quyền theo quy định.

e) Xe chuyên dùng có thuế xuất bằng 0% thì chỉ cần có tờ khai hàng nhập khẩu phi mậu dịch theo mẫu quy định của Tổng cục Hải quan trong đó ghi rõ nhãn hiệu xe, số máy, số khung.

4.2.3. Xe sản xuất, lắp ráp tại Việt Nam:

a) Phiếu kiểm tra chất lượng xuất xưởng phương tiện giao thông cơ giới

đường bộ theo quy định của Bộ Giao thông vận tải.

Đối với xe lắp ráp tại Việt Nam mang nhãn hiệu hàng hóa nước ngoài nếu lắp ráp thành xe nhãn hiệu hàng hóa trong nước hoặc lắp ráp tiếp thành loại xe khác thì mỗi lần lắp ráp phải có một phiếu kiểm tra chất lượng xuất xưởng theo quy định của Bộ Giao thông vận tải.

b) Tờ khai nguồn gốc xe nhập khẩu (đối với xe được lắp ráp từ bộ linh kiện theo quy định của Tổng cục Hải quan phải có tờ khai nguồn gốc xe nhập khẩu).

4.2.4. Xe cải tạo:

a) Xe thay đổi tính chất chuyên chở:

+ Giấy đăng ký xe (đối với xe đã đăng ký) hoặc chứng từ nguồn gốc nhập khẩu (đối với xe đã qua sử dụng được phép nhập khẩu).

+ Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật phương tiện cơ giới đường bộ cải tạo theo quy định.

Không giải quyết đăng ký các xe chuyên dùng chuyển đổi công năng trước 5 năm và xe đông lạnh trước 3 năm (kể từ ngày nhập khẩu) theo quy định của Chính phủ.

b) Xe thay đổi tổng thành máy, thân máy (block) hoặc tổng thành khung nhập khẩu:

+ Giấy đăng ký xe;

+ Bản chính xác nhận của cơ quan Hải quan nơi làm thủ tục cho tổng thành đó nhập khẩu. Trong trường hợp nhập khẩu phi mậu dịch phải có tờ khai hàng

nhập khẩu và biên lai thu thuế nhập khẩu.

+ Trường hợp tổng thành (máy, thân máy hoặc khung) thay thế khác nhãn hiệu, khác thông số kỹ thuật thì phải có giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật phương tiện cơ giới đường bộ cải tạo theo quy định.

c) Xe thay tổng thành (máy, thân máy hoặc khung) sản xuất trong nước:

+ Giấy đăng ký xe;

+ Chứng từ bán tổng thành của cơ sở sản xuất;

+ Biên bản kiểm tra chất lượng sản phẩm (KCS) của cơ sở sản xuất.

d) Trường hợp tổng thành của xe đã đăng ký dùng để thay thế cho xe khác thì phải có giấy chứng nhận xóa sổ đăng ký. Giấy chứng nhận xóa sổ đăng ký phải ghi rõ cấp cho tổng thành máy hoặc tổng thành khung.

B. THỦ TỤC ĐĂNG KÝ XE QUÂN ĐỘI LÀM NHIỆM VỤ QUỐC PHÒNG CÓ YÊU CẦU CẤP BIỂN SỐ XE DÂN SỰ

1. Công văn đề nghị do lãnh đạo Bộ Quốc phòng ký gửi Bộ Công an và có ý kiến đồng ý của lãnh đạo Bộ Công an.

2. Thủ tục, hồ sơ đăng ký xe phải đầy đủ theo quy định tại Mục A phần II của Thông tư này. Trường hợp xe đã đăng ký biển xe quân sự, phải có bản sao giấy chứng nhận đăng ký xe và hồ sơ gốc của xe, có xác nhận của Cục Quản lý xe máy.

C. THỦ TỤC ĐỔI, CẤP LẠI GIẤY ĐĂNG KÝ, BIỂN SỐ XE

1. Đổi giấy đăng ký xe hoặc biển số xe:

Đối với xe cải tạo, xe thay đổi màu sơn; xe của các đơn vị do thay đổi về tổ chức; giấy đăng ký xe bị rách, hư hỏng, biển số xe bị hỏng, bị mờ thì được đổi giấy đăng ký hoặc biển số xe theo số cũ:

1.1. Giấy khai đổi giấy đăng ký, biển số xe (theo mẫu quy định);

1.2. Công văn đề nghị của đơn vị chủ phương tiện.

Khi đến làm thủ tục phải nộp lại cho cơ quan Cảnh sát giao thông giấy đăng ký, biển số cũ.

2. Cấp lại giấy đăng ký xe, biển số bị mất:

2.1. Giấy khai cấp lại giấy đăng ký, biển số xe (theo mẫu quy định);

2.2. Công văn đề nghị của Cục Quản lý xe máy.

Sau thời hạn 60 ngày kể từ ngày cơ quan Cảnh sát giao thông nhận được hồ sơ đề nghị không phát hiện nghi vấn thì cấp lại. Trường hợp cấp trước thời hạn phải được phê duyệt đồng ý của Giám đốc Công an tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

D. TRƯỜNG HỢP ĐÓNG LẠI SỐ MÁY, SỐ KHUNG

1. Xe nhập khẩu trong hồ sơ nhập khẩu

của Hải quan ghi không có hoặc chưa tìm thấy số máy, số khung thì cho đóng số theo biển số đăng ký.

Trường hợp số máy, số khung của xe đóng trên tấm Vin hoặc Etekét, số ghi bằng sơn, số bị mờ thì được đóng lại theo số được cơ quan Hải quan xác nhận trong hồ sơ nhập khẩu của xe.

2. Xe sản xuất, lắp ráp trong nước:

- Xe có số máy, số khung đóng chập kim (lade) hoặc số đóng bị mờ, không rõ số thì được đóng lại số theo số ghi trong phiếu kiểm tra chất lượng xuất xưởng;

- Xe có số máy, số khung bị đóng chồng số thì phải trưng cầu giám định tại cơ quan Khoa học hình sự Công an nhân dân. Nếu cơ quan giám định kết luận xe bị đục lại số máy hoặc số khung thì không tiếp nhận đăng ký. Trường hợp giám định kết luận số máy, số khung là nguyên thủy thì được đóng lại theo số ghi trong phiếu kiểm tra chất lượng xuất xưởng.

3. Trường hợp xe đã đăng ký nếu thay thế khung, máy hoặc thân máy (Blok) mới chưa có số thì đóng số khung, số máy theo biển số xe đăng ký.

D. QUY ĐỊNH VỀ XÓA SỐ ĐĂNG KÝ XE

1. Những trường hợp phải làm thủ tục xóa số đăng ký xe bao gồm: Xe cũ nát, không sử dụng được; xe tháo máy, khung để thay thế xe khác, xe hết thời hạn sử dụng theo quy định; xe quân đội hết yêu cầu cấp biển số dân sự.

2. Thủ tục hồ sơ xóa số đăng ký xe gồm

2.1. Giấy khai xóa số đăng ký (theo mẫu quy định);

2.2. Công văn đề nghị xóa số của Cục Quản lý xe máy;

2.3. Giấy đăng ký xe, biển số xe.

E. SANG TÊN, DI CHUYỂN XE

Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày có quyết định điều chuyển xe đã đăng ký tại cơ quan Cảnh sát giao thông về đăng ký, quản lý tại Cục quản lý xe máy hoặc có quyết định thanh lý xe, chủ phương tiện phải làm thủ tục sang tên, di chuyển xe tại cơ quan Cảnh sát giao thông đăng ký, quản lý xe.

1. Thủ tục sang tên, di chuyển xe về đăng ký, quản lý tại Cục quản lý xe máy gồm:

1.1. Hai giấy khai sang tên, di chuyển (theo mẫu quy định);

1.2. Giấy đăng ký xe;

1.3. Quyết định điều chuyển xe về đăng ký tại Bộ Quốc phòng do chỉ huy cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Quốc phòng ký.

Khi đến làm thủ tục, chủ phương tiện không phải đưa xe đến nhưng phải nộp lại biển số xe.

2. Thủ tục sang tên, di chuyển xe chuyển nhượng ra dân sự:

2.1. Hai giấy khai sang tên, di chuyển (theo mẫu quy định);

2.2. Giấy đăng ký xe;

2.3. Quyết định thanh lý xe của Bộ Tổng Tham mưu - Bộ Quốc phòng (bản chính hoặc bản trích sao do Cục Quản lý xe máy sao, ký đóng dấu);

2.4. Bản chính giấy chứng nhận xe đã được Bộ Quốc phòng cho phép bán ra dân sự do Cục trưởng Cục Quản lý xe máy ký, đóng dấu (cấp cho từng xe);

2.5. Chứng từ chuyển nhượng xe.

Khi đến làm thủ tục, chủ phương tiện không phải đưa xe đến nhưng phải nộp lại biển số xe.

Phiếu sang tên, di chuyển xe do cơ quan Cảnh sát giao thông cấp gồm 3 bản: 1 bản cấp cho chủ phương tiện, 1 bản lưu tại cơ quan Cảnh sát giao thông, 1 bản gửi Cục Quản lý xe máy để theo dõi, quản lý.

III. QUY ĐỊNH VỀ KIỂM TRA VÀ XỬ LÝ XE QUÂN ĐỘI VI PHẠM HÀNH CHÍNH VỀ GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ

1. Xe quân đội và người lái xe khi tham gia giao thông phải có đầy đủ các giấy tờ sau:

1.1. Giấy chứng nhận đăng ký xe do Cục Quản lý xe máy cấp;

1.2. Giấy phép lái xe quân sự;

1.3. Giấy phép lưu hành do chỉ huy cơ quan, đơn vị trực thuộc Bộ Quốc phòng ký;

1.4. Giấy công tác xe;

1.5. Lệnh hoặc chứng từ vận chuyển;

1.6. Giấy tờ khác theo quy định của pháp luật.

2. Lực lượng Cảnh sát giao thông và kiểm soát quân sự, kiểm tra xe quân sự trong khi làm nhiệm vụ tuần tra kiểm soát, phát hiện xe quân đội tham gia hoạt động trên đường giao thông có hành vi vi phạm pháp luật về giao thông đường bộ, có quyền dừng xe để kiểm tra và xử lý nghiêm theo quy định xử phạt vi phạm hành chính về giao thông đường bộ.

3. Lái xe quân đội phải chấp hành nghiêm chỉnh hiệu lệnh dừng xe của các lực lượng Cảnh sát giao thông, kiểm soát quân sự, kiểm tra xe quân sự và xuất trình những giấy tờ về xe và lái xe quy định tại điểm 1 nêu trên khi được yêu cầu. Mọi hành vi trốn tránh sự kiểm tra hoặc chống người thi hành công vụ đều phải được xử lý nghiêm minh theo quy định của pháp luật.

4. Căn cứ vào tình hình thực tế, các cơ quan chức năng của Bộ Quốc phòng và Bộ Công an có kế hoạch phối hợp tổ chức các đợt kiểm tra xe quân đội hoạt động trên đường giao thông trên phạm vi toàn quốc hoặc từng tuyến, từng địa phương.

5. Các vụ tai nạn giao thông của xe quân đội do cơ quan có thẩm quyền của Bộ Công an và Bộ Quốc phòng cùng phối hợp xử lý theo quy định của pháp luật.

6. Các vi phạm hành chính của lái xe quân đội và quân nhân vi phạm Luật Giao thông đường bộ do cơ quan có thẩm quyền của Bộ Công an xử lý và định kỳ 6 tháng 1 lần thông báo với Cục Quản lý xe máy.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Thông tư này có hiệu lực sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo và thay thế Thông tư số 2552/TTLB-NV-QP ngày 27/12/1995 của liên Bộ Nội vụ - Quốc phòng về việc hướng dẫn thực hiện Nghị định số 36/CP ngày 29/5/1995 của Chính phủ về bảo đảm trật tự an toàn giao thông đường bộ và trật tự an toàn giao thông đô thị.

2. Những xe quân đội kinh tế đã được Cục Cảnh sát giao thông đường bộ - đường sắt đăng ký và cấp biển số trước ngày Thông tư này có hiệu lực vẫn được phép lưu hành.

3. Bộ Công an, Bộ Quốc phòng yêu cầu Cục Cảnh sát giao thông đường bộ - đường sắt, Cục Quản lý xe máy và các đơn vị thuộc quyền, tổ chức thực hiện nghiêm chỉnh các quy định của Thông tư này.

4. Cục Quản lý xe máy có trách nhiệm phối hợp với Cục Cảnh sát giao thông đường bộ - đường sắt thống kê số liệu xe đã giới thiệu đăng ký tại Cảnh sát giao thông đường bộ - đường sắt để báo cáo Bộ Tổng Tham mưu - Bộ Quốc phòng. Định kỳ 6 tháng 1 lần, Cục Quản lý xe máy báo cáo tình hình thực hiện Thông tư

này với các cơ quan chức năng của Bộ Quốc phòng.

KT. BỘ TRƯỞNG BỘ CÔNG AN

Thứ trưởng

Trung tướng **Lê Thế Tiệm**

KT. BỘ TRƯỞNG BỘ QUỐC PHÒNG

Thứ trưởng

Thượng tướng **Nguyễn Huy Hiệu**

**BỘ TÀI CHÍNH - ỦY BAN
THỂ DỤC THỂ THAO**

**THÔNG TƯ liên tịch số 103/2004/
TTLT-BTC-UBTDTT ngày
05/11/2004 hướng dẫn thực
hiện chế độ dinh dưỡng đối
với vận động viên, huấn luyện
viên thể thao.**

Căn cứ Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 06/6/2003 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách Nhà nước.

Căn cứ Nghị định số 86/2002/NĐ-CP ngày 05/11/2002 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ, cơ quan ngang Bộ;

Để phù hợp với tình hình thực tế về chế